

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

BỈM BỈM (Hạt)

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 10 g bột Bán hạ nam (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch *vanilin* (TT) 1 % trong *ethanol* 96 % (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 5 h).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Tỷ lệ vụn nát

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.12).

Tro toàn phần

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 1,5 % (Phụ lục 9.7).

Kim loại nặng

Không quá 20 phần triệu (Phụ lục 9.4.8, phương pháp 3).
Dùng 1 g được liệu để thử và 2 ml *dung dịch chì mẫu 10 phần triệu Pb* (TT) để chuẩn bị dung dịch đối chiếu.

Chế biến

Bán hạ nam chế gừng (*khương bán hạ*)

Công thức:

Bán hạ nam phiến	1000 g
Phèn chua (bột)	100 g
Gừng tươi	100 g

Nước vo gạo vừa đủ.

Tiến hành: Lấy 1 kg gạo, vo lấy 3 L dịch nước. Ngâm phiến bán hạ trong 2 ngày, mỗi ngày thay nước một lần. Gạn bỏ dịch ngâm, rửa nhẹ bằng nước sạch đến khi hết nước đục trắng.

Hòa tan phèn chua trong 3 L nước sạch. Ngâm bán hạ tiếp trong 2 ngày đêm đến khi không còn đốm trắng (nhân trắng đục). Vớt ra, rửa sạch, phơi khô.

Gừng tươi, giã nát, thêm 100 ml nước sạch, nghiền kỹ, ép lấy dịch. Làm 2 lần như vậy. Trộn đều dịch gừng, tẩm vào bán hạ phiến ở trên, ủ 2 h đến 3 h, thỉnh thoảng đảo cho dịch nước gừng thấm đều. Sau đó sao đến khi phiến bán hạ chuyển sang màu vàng đậm. Khương bán hạ có tác dụng trị ho có đờm, tiêu thực, giáng khí, trị đầy hơi chướng bụng.

Cảm quan của vị thuốc: Phiến tròn hoặc mảnh vụn, kích thước không nhỏ hơn 0,2 cm. Thê chất khô giòn, màu vàng đậm đến nâu, cạnh phiến cháy. Mùi thơm đặc trưng của gừng. Vị cay nhẹ, không ngứa.

Định tính: Lấy 5 g bột thô được liệu đã chế, nghiền với 10 ml nước nóng. Thêm 30 ml *ethanol* 75 % (TT), ngâm

12 h. Lọc lấy dịch chiết. Cô trên cách thủy đến khi còn khoảng 3 ml. Lấy 0,5 ml dịch chiết trên vào ống nghiệm, thêm 5 giọt dung dịch *ninhydrin* (TT) 0,1 % trong *aceton* (TT), đun sôi nhẹ trong khoảng 2 min. Dung dịch trong ống nghiệm không chuyển màu.

Tiên bán hạ: Lấy củ đã làm sạch vỏ đen bên ngoài đem thái lát, thêm Cam thảo, Bò kết (1 kg Bán hạ nam dùng 0,1 kg Cam thảo, 0,1 kg Bò kết), đổ ngập nước, đun đến khi gần cạn và các lát Bán hạ nam trong là được (nếu còn đốm trắng thì thêm nước và đun tiếp), vớt ra phơi hoặc sấy khô. Tiên bán hạ chủ yếu trị thương hàn, ấu thổ.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô, tránh mốc mọt.

Tính, vị, quy kinh

Vị cay, tính ôn. Vào các kinh tỷ, vị, phế.

Công năng, chủ trị

Hóa đàm táo thấp, giáng nghịch chỉ nôn, giáng khí chỉ ho. Chủ trị: Nôn, buồn nôn, đầy chướng bụng; ho đờm nhiều; trệ thấp trệ ở người béo bệu.

Cách dùng, liều lượng

Dạng thuốc sắc phối hợp với vị thuốc khác.

Ngày dùng từ 4 g đến 12 g được liệu đã chế biến.

Dùng cho phụ nữ có thai phải phối hợp với Hoàng cầm, Bạch truật.

Kiêng kỵ

Cơ thể yếu, bệnh nặng khi dùng cần cân nhắc.

Phản nghịch Ô đầu. Thuốc kỵ Ba đậu, Đan sâm.

Không nên dùng cho người âm hư, ho khan, khạc máu.

Thận trọng khi dùng cho người mang thai.

BỈM BỈM (Hạt)

Pharbitidis Semen

Khiên ngư tử, Hắc sử, Bạch sử, Hạt bìm bìm biếc

Hạt được làm khô của cây Bìm bìm [*Pharbitis nil* (L.) Choisy hoặc *Pharbitis purpurea* (L.) Voigt], họ Bìm bìm (Convolvulaceae). Thu hoạch vào vụ xuân - hè hoặc hè - thu. Cắt cả cây mang quả đã chín nhưng chưa nứt, phơi khô, đập tách vỏ, sàng lấy hạt và loại bỏ tạp chất, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Hạt có hai thứ. Thứ có mặt ngoài màu trắng ngà đến nâu vàng nhạt là bạch sử; thứ có màu nâu nhạt hoặc nâu đen là hắc sử. Hạt dài 4 mm đến 7 mm, rộng 3 mm đến 4,5 mm, có dạng như một phần của khối cầu, từ gần giống một phần năm khối cầu đến hình cầu. Mặt lưng lồi hình cung, có thể gồ ghề hoặc có một rãnh nông ở giữa, mặt bụng thường hẹp, gần như một đường thẳng tạo thành do hai mặt bên. Rốn nằm ở cuối mặt bụng và lõm xuống. Mặt ngoài hơi lồi lõm, vỏ cứng, mặt cắt ngang màu vàng nhạt hoặc lá mạ, hơi có dầu. Mùi nhẹ, vị hơi hăng và đắng.

BÌNH VÔI

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

Ghi chú: Loại hạt to như hạt đậu xanh, có ba cạnh, vỏ cứng đen, nhân có màu vàng nhạt, không mốc mọt là tốt. Thứ hạt nhỏ ít dùng.

Vì phẫu

Cắt ngang hạt thành các lát mỏng cho lên lam kính nhỏ dung dịch cloral hydrat ngâm trong 1 h. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Biểu bì gồm 1 - 2 lớp tế bào hình gần vuông, rải rác có lông che chở đơn bào. Sát phía trong biểu bì là mô giậu gồm 2 - 3 lớp tế bào kéo dài theo hướng xuyên tâm, đầu nhọn xen kẽ nhau, mép ngoài của lớp mô giậu có một dải hẹp có độ chiết quang lớn, sáng. Lớp dinh dưỡng gồm nhiều hàng tế bào và các tế bào thoái hóa màu nâu vàng hình gần vuông kéo dài theo hướng xuyên tâm. Lá mầm uốn lượn, tế bào tương đối đều đặn chứa tinh bột, dầu béo và các cụm tinh thể calci oxalat.

Bột

Màu nâu nhạt đến xám nhạt hoặc nâu. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Mảnh vỏ ngoài có 2 - 3 hàng tế bào biểu bì không đều, thành mỏng hơi lồi lên và lượn sóng; đôi khi mang 2 - 3 hàng tế bào giậu màu vàng, có thể thành cả dải phát quang sáng. Tế bào giậu có khi tách riêng ra, hình gần vuông, thành dày và hóa gỗ, đôi khi có khoang chứa chất màu nâu vàng. Mảnh vỏ giữa tế bào có hình dạng và kích thước không đều. Mảnh vỏ trong tế bào to, thành mỏng. Mảnh mô mềm lá mầm có hoặc không có túi tiết, tế bào hình gần tròn có chứa hạt tinh bột; bó tinh thể calci oxalat hình kim, hiếm khi thấy tinh thể calci oxalat hình lăng trụ. Ống tiết chứa giọt dầu. Lông che chở đơn bào dài 25 - 350 μ m, đường kính tới 30 μ m, thành hơi dày lên.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel 60F₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Dichloromethan - methanol - acid formic* (23 : 4 : 1).

Dung dịch thử: Lấy khoảng 1,0 g bột dược liệu, thêm 10 ml *methanol* (TT), siêu âm trong 30 min, để nguội, lọc, lấy dịch lọc chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 1,0 g bột hạt bìm bìm (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan acid cafeic chuẩn trong *methanol* (TT) để thu được dung dịch có nồng độ 1,0 mg/ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 μ l mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng tử ngoại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ dung dịch thử có các vết tương đương về vị trí và cùng màu sắc với các vết thu được trên sắc ký đồ dung dịch dược liệu đối chiếu và dung dịch chất đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 6,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 1,0 % (Phụ lục 9.7).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không được ít hơn 12,0 % chất chiết được trong *ethanol* 50 % (TT) và không được ít hơn 18,0 % chất chiết được trong *nước* tinh theo dược liệu khô kiệt.

Sử dụng phương pháp chiết lạnh (Phụ lục 12.10).

Chế biến

Hạt Bìm bìm dùng sống: Lấy hạt khô, giã giập cho vào thuốc thang hoặc tán mịn làm hoàn tán (tác dụng xổ mạnh).

Bìm bìm sao vàng: Sao vàng theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.20 cho thơm (tác dụng xổ yếu hơn dùng sống).

Bảo quản

Nơi khô ráo, thoáng mát.

Tính vị, quy kinh

Đắng, cay, tính hàn, tiểu độc. Vào các kinh phế, thận, đại tràng.

Công năng, chủ trị

Trục đàm, tiêu thủy, trừ thấp nhiệt. Chủ trị: Phù thũng có bụng trương đầy, khó thở, bí tiểu, trị giun.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 4 g đến 8 g, dạng thuốc sắc hoặc hoàn tán. Thường phối hợp với các vị thuốc khác.

Kiêng kỵ

Không dùng cho phụ nữ có thai, người tỳ vị hư nhược. Kỵ Ba đậu.

BÌNH VÔI

Stephaniae Tuber

Phần gốc thân phình ra thành củ đã cạo bỏ vỏ nâu đen ở ngoài, thái thành phiến dày và được làm khô của cây Bình vôi [*Stephania glabra* (Roxb.) Miers] hoặc một số loài Bình vôi khác có chứa L-tetrahydropalmitin, họ Tiết dê (Menispermaceae). Có thể thu hái quanh năm, đào lấy củ, rửa sạch, cạo bỏ vỏ đen, thái phiến dày, phơi hay sấy khô.

Mô tả

Phần gốc thân phát triển thành củ to, có củ rất to, hình dáng thay đổi tùy theo nơi củ phát triển. Vỏ ngoài màu nâu đen, khi cạo vỏ ngoài có màu trắng xám. Khi đã thái phiến dày, dược liệu là phiến không đều, có màu trắng xám, vị đắng.

Bột

Bột có màu vàng xám, vị đắng. Soi kính hiển vi thấy: Tế bào mô cứng thành dày, khoang rộng, mảnh mạch điểm,